

NGUYỄN VĂN TOẠI
Sales Director
Retail Sales & Brokerage Department

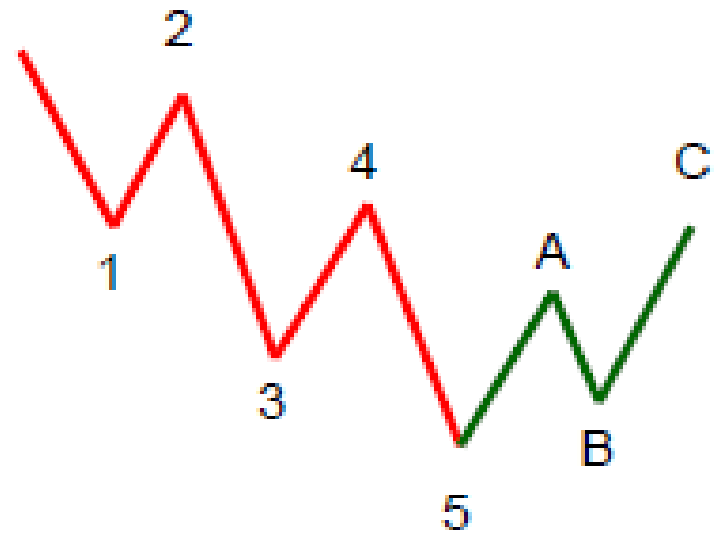
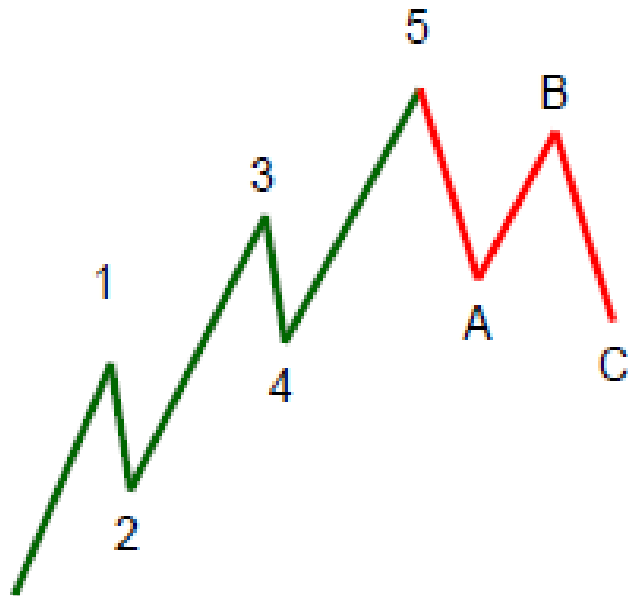


FIBONACI + ELLIOT

PHẦN II: SỐNG ELLIOT

TP. Hà Nội, tháng 08 năm 2021

LÝ THUYẾT SÓNG ELLIOT



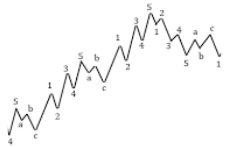
:020 3:05:23 PM Open 868.11, Hi 868.11, Lo 868.11, Close 868.11 (0.0%)



20 2:00:00 PM Open 802.7, Hi 805.1, Lo 802, Close 804.2 (0.2%)



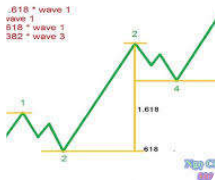
804.2



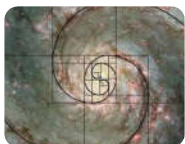
Cấu trúc sóng



Phân tích sóng



Quy tắc đếm sóng



Fibonacci và tỉ lệ sóng

NỘI DUNG



CẤU TRÚC SÓNG

Cấu trúc và ý nghĩa các sóng



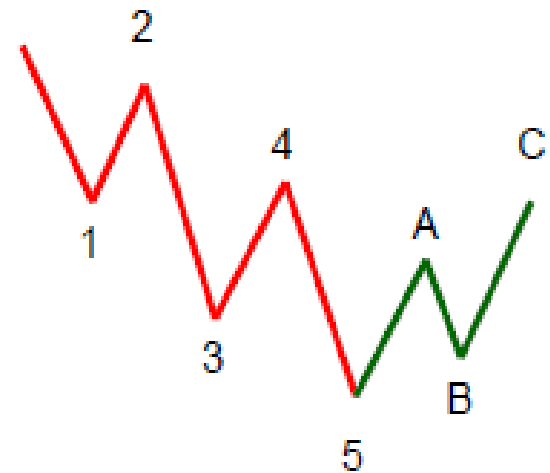
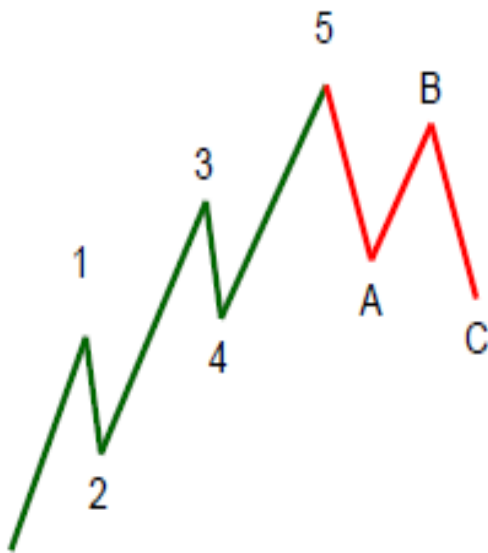
Ralph Nelson Elliott
1871 – 1948

- Người sáng tạo ra lý thuyết sóng là Ralph Nelson (R.N) Elliot vào năm 1938. Được biết đến với tác phẩm “Elliot wave Principle”.
- A.Hamilton Bolton với tác phẩm “Elliot Wave Supplement” (1953) và A.J.Frost và Richard Prechter) với tác phẩm “Elliot wave Principle” (1978) khiến cho lý thuyết sóng Elliot được phát triển rộng rãi.

CẤU TRÚC SÓNG

Định nghĩa

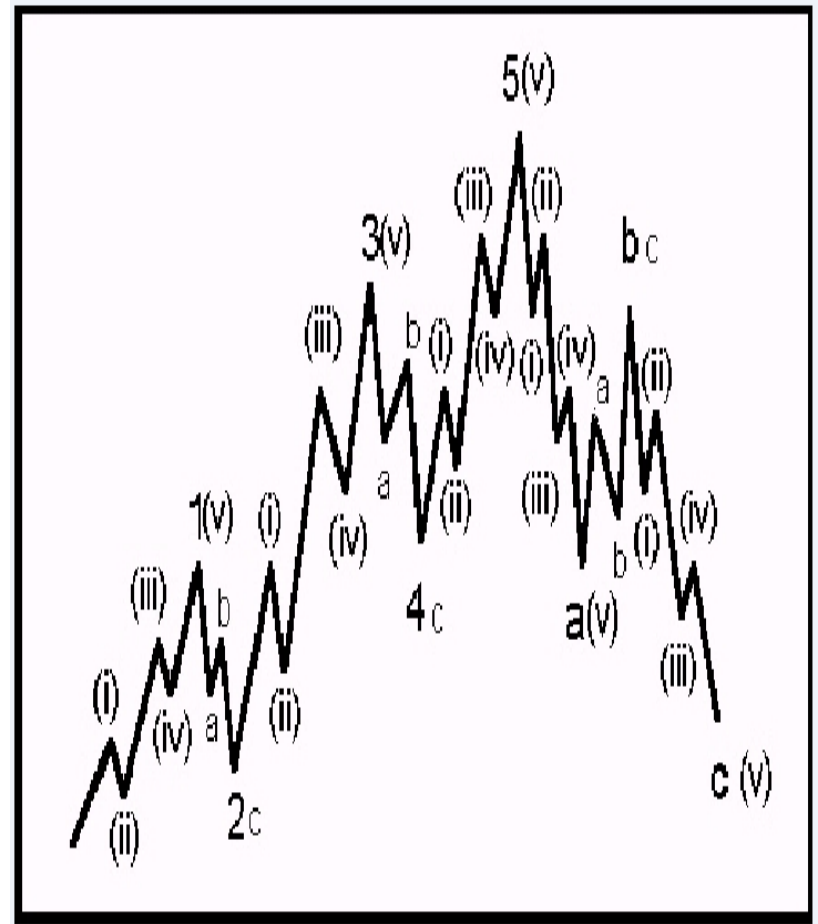
Sóng Elliot được chia thành 2 phần: Sóng đẩy (impulsive) gồm 5 sóng 1 đến 5; sóng hiệu chỉnh (corrective) gồm 3 sóng A-B-C.



CẤU TRÚC SÓNG

Tính chất của sóng

- Sóng có tính chất là “sóng trong sóng” do vậy việc đếm sóng trở nên phức tạp.
- *Quy tắc sóng chứa sóng*
 - Sóng 1 lớn, sóng 3 lớn, sóng 5 lớn, sóng hiệu chỉnh A và sóng hiệu chỉnh C có thể chứa 5 sóng nhỏ.
 - Sóng 2 lớn, sóng 4 lớn, sóng hiệu chỉnh B chỉ có thể chứa 3 sóng nhỏ.



CẤU TRÚC SÓNG

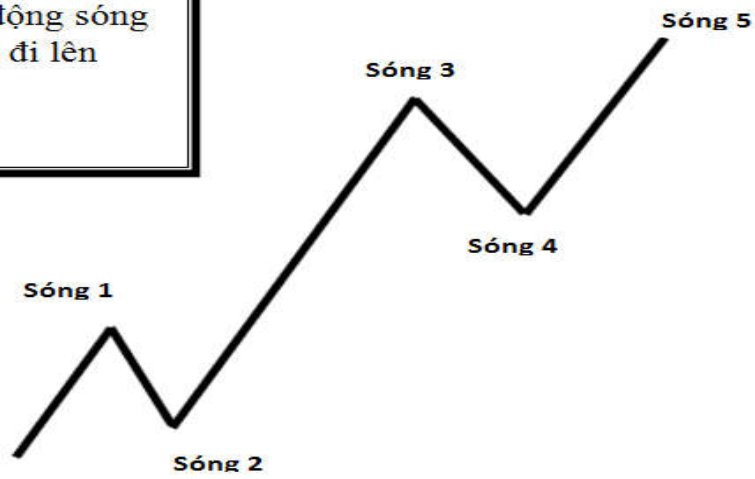
Kí hiệu các mức độ sóng

Wave Degree	5s With the Trend					3s Against the Trend		
Grand Supercycle	Ⓘ	Ⓜ	Ⓢ	Ⓢ	Ⓢ	ⓐ	ⓑ	ⓒ
Supercycle	(I)	(II)	(III)	(IV)	(V)	(a)	(b)	(c)
Cycle	I	II	III	IV	V	a	b	c
Primary	①	②	③	④	⑤	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ
Intermediate	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(A)	(B)	(C)
Minor	1	2	3	4	5	A	B	C
Minute	⓪	Ⓜ	Ⓢ	Ⓢ	Ⓢ	ⓐ	ⓑ	ⓒ
Minuette	(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(a)	(b)	(c)
Subminuette	i	ii	iii	iv	v	a	b	c

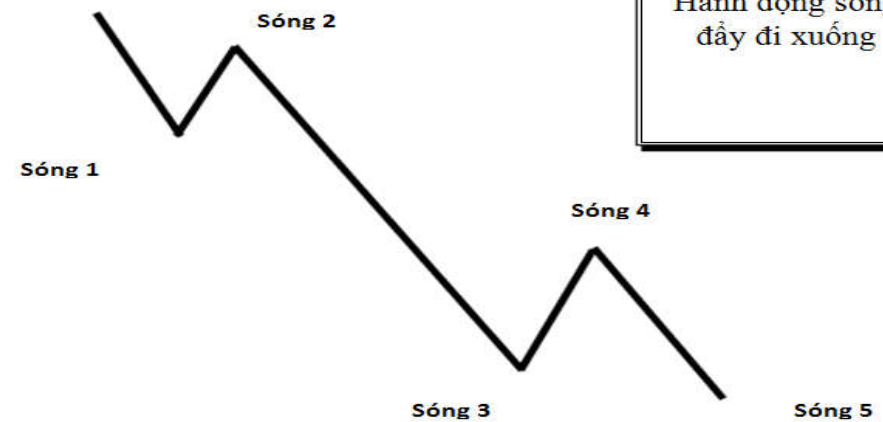
CẤU TRÚC SÓNG

Phân tích sóng đầy

Hành động sóng
đầy đi lên

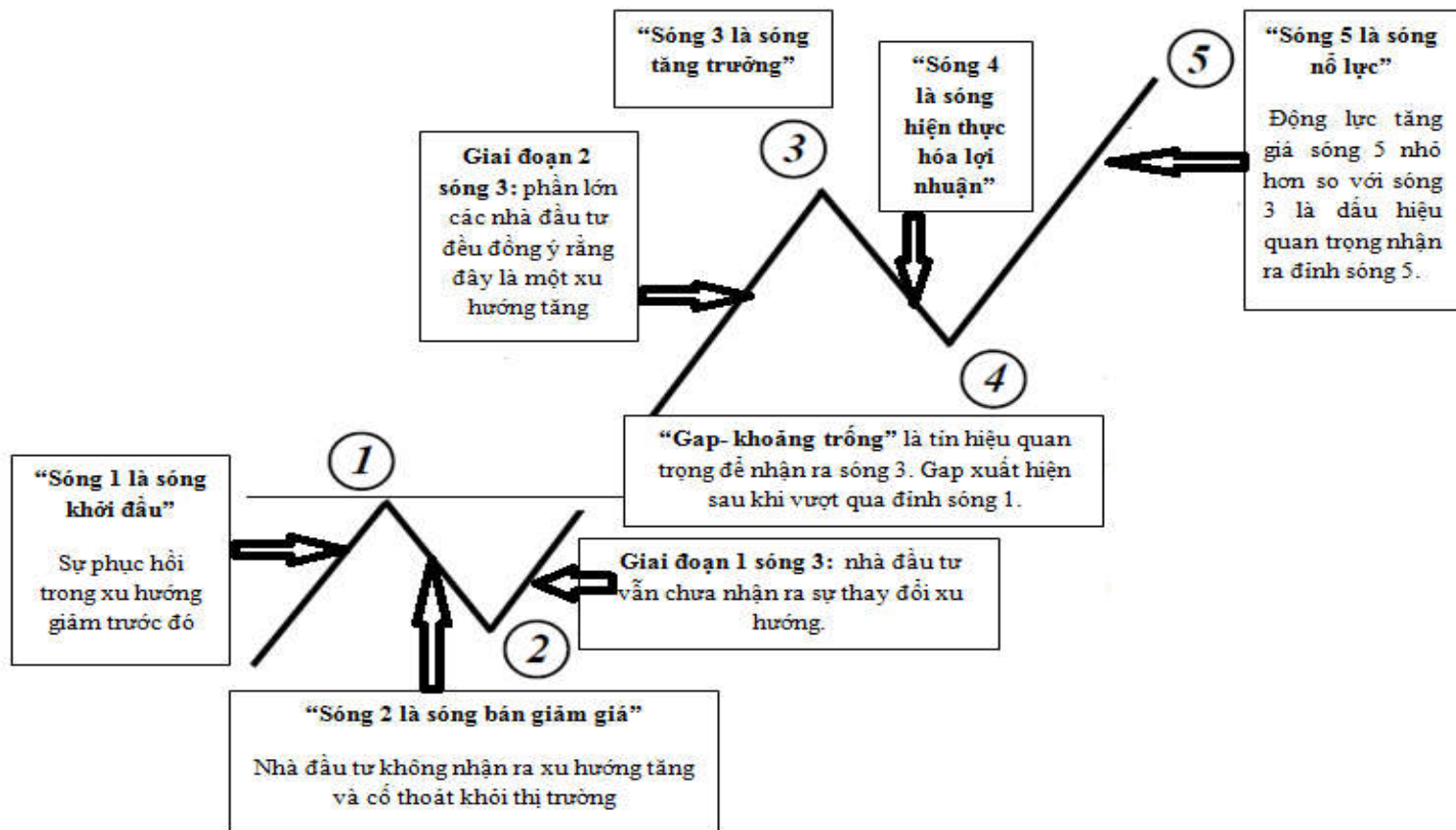


Hành động sóng
đầy đi xuống



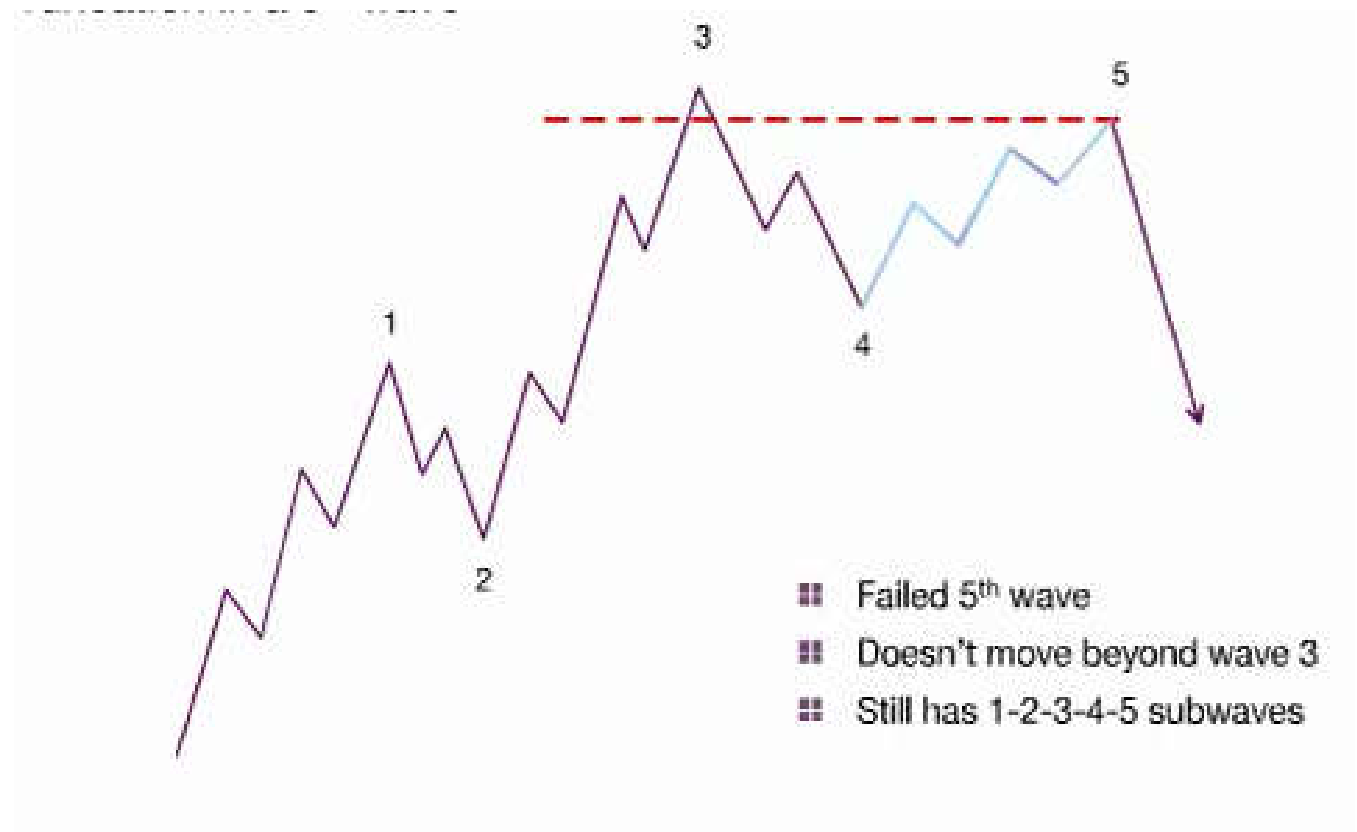
CẤU TRÚC SÓNG

Ý nghĩa của sóng đẩy



CẤU TRÚC SÓNG

Dạng sóng 5 thất bại



CẤU TRÚC SÓNG

Dạng sóng 5 thất bại

VD: SJS thất bại và tạo
mô hình tam giác

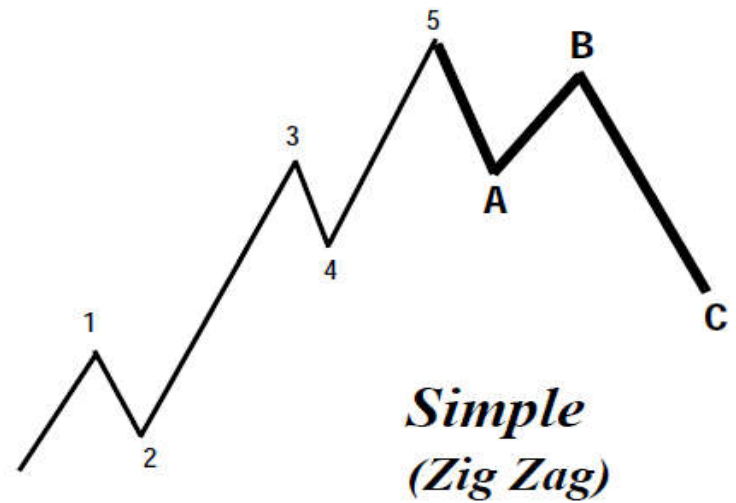


PHÂN TÍCH SÓNG

Phân tích sóng điều chỉnh

Sóng hiệu chỉnh gồm có hai dạng là: sóng điều chỉnh đơn giản Zigzag và sóng điều chỉnh phức tạp (sóng điều chỉnh phức tạp có 2 dạng là Flat và Dạng bất thường (Irregular))

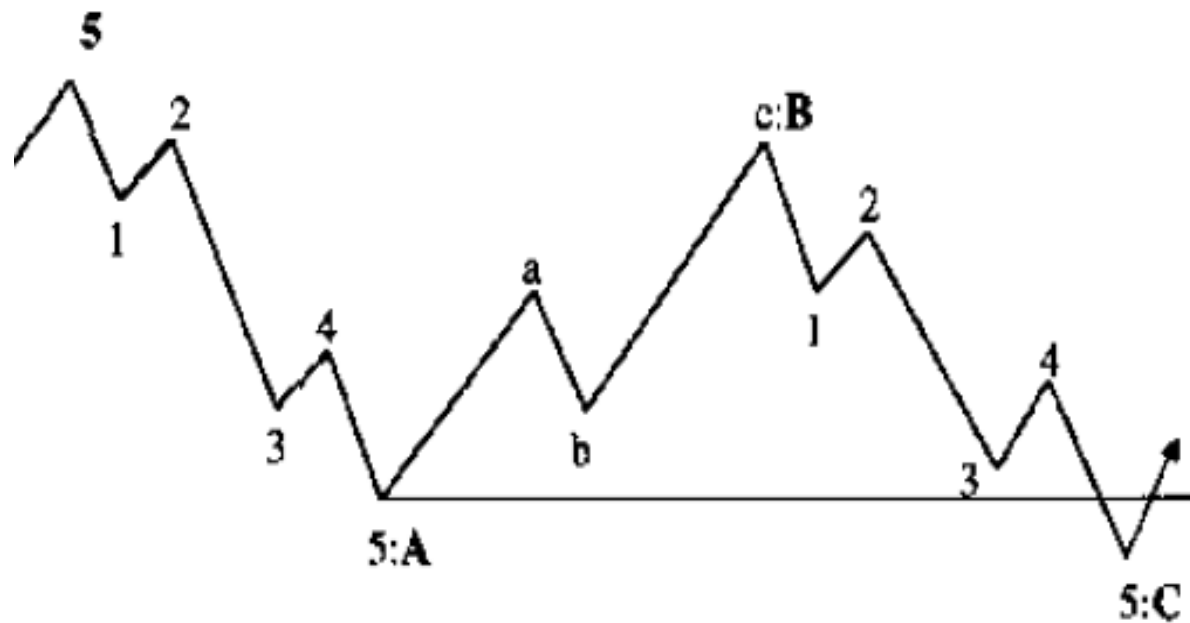
* *Dạng đơn giản: Sóng Zigzag*: Sóng A gồm 5 sóng nhỏ. Sóng B 3 sóng nhỏ và sóng C gồm 5 sóng nhỏ. Gọi là 5-3-5



PHÂN TÍCH SÓNG

Phân tích sóng điều chỉnh

* *Dạng đơn giản: Sóng Zigzag:* Sóng A gồm 5 sóng nhỏ. Sóng B 3 sóng nhỏ và sóng C gồm 5 sóng nhỏ. Gọi là 5-3-5



PHÂN TÍCH SÓNG

Phân tích sóng điều chỉnh

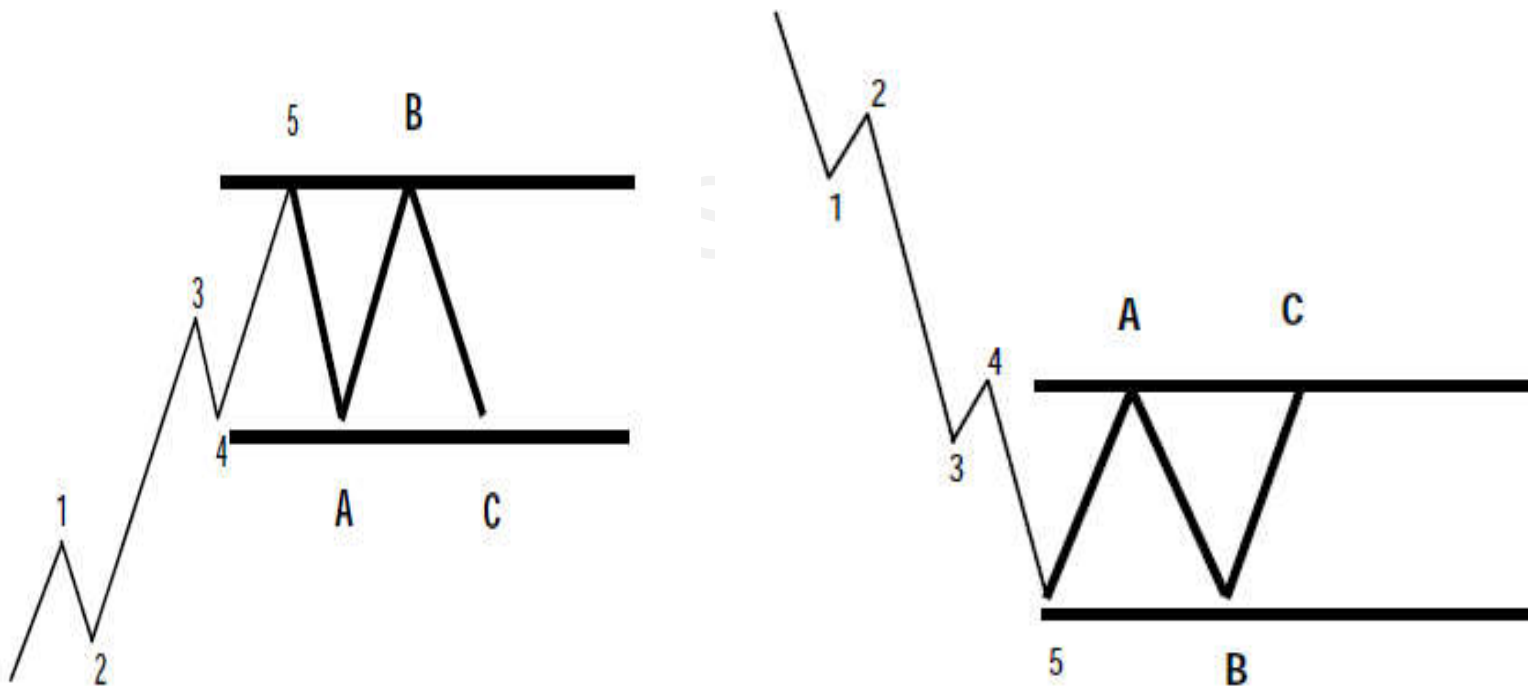
*VD: Sóng điều chỉnh
Zigzag*



PHÂN TÍCH SÓNG

Phân tích sóng điều chỉnh

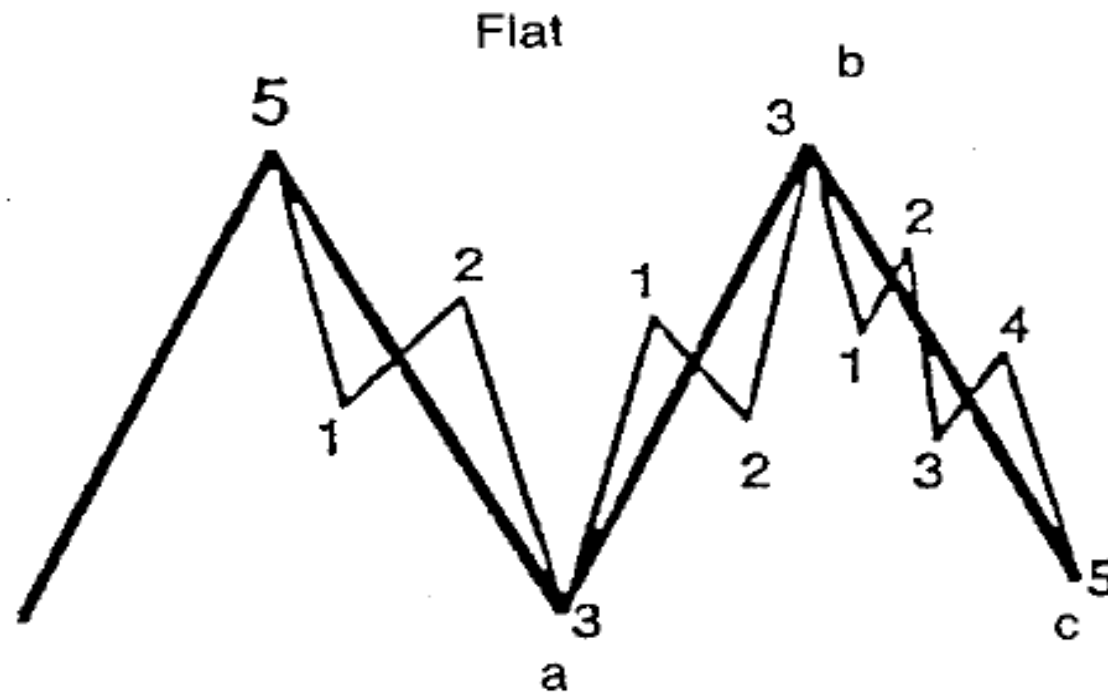
* *Sóng điều chỉnh dạng phức tạp: Dạng phẳng (Flat):* Sóng A gồm 3 sóng nhỏ. Sóng B gồm 3 sóng nhỏ. Sóng C gồm 5 sóng nhỏ. Gọi là 3-3-5.



PHÂN TÍCH SÓNG

Phân tích sóng điều chỉnh

* *Sóng điều chỉnh dạng phức tạp: Dạng phẳng (Flat):* Sóng A gồm 3 sóng nhỏ. Sóng B gồm 3 sóng nhỏ. Sóng C gồm 5 sóng nhỏ. Gọi là 3-3-5.



PHÂN TÍCH SÓNG

Phân tích sóng điều chỉnh

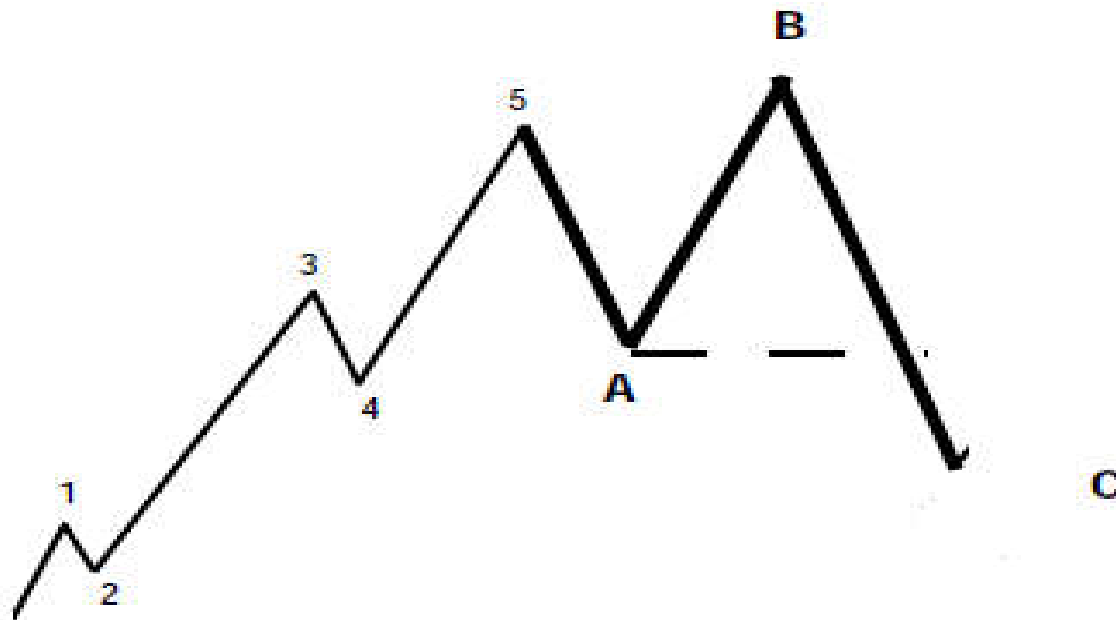
VD: MSN - Sóng
điều chỉnh dạng
phức tạp: Dạng
phẳng (Flat):



PHÂN TÍCH SÓNG

Phân tích sóng điều chỉnh

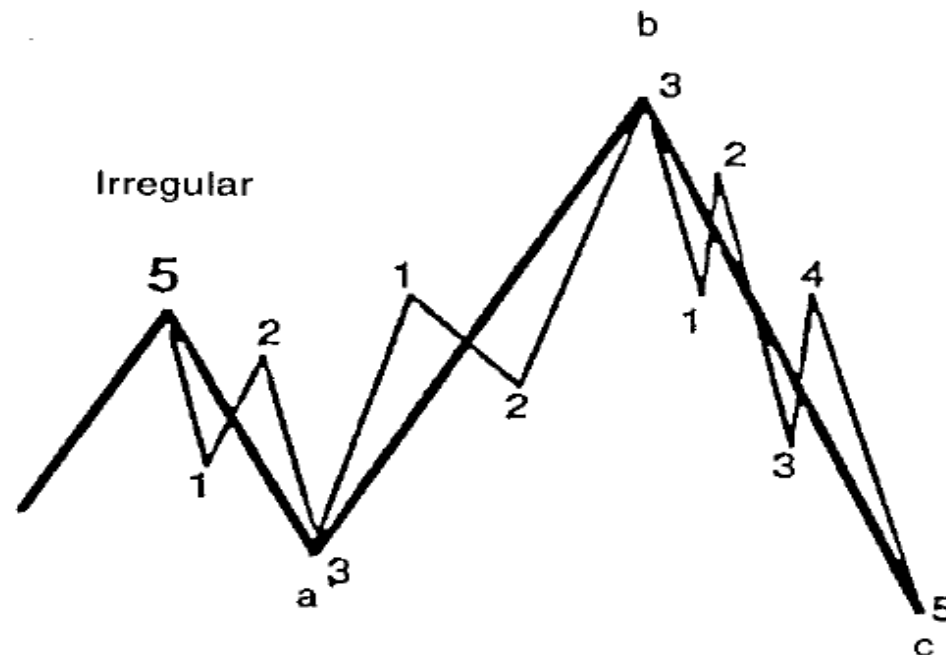
* *Sóng điều chỉnh dạng phức tạp*: Dạng bất thường (Irregular): Sóng A gồm 3 sóng nhỏ. Sóng B gồm 3 sóng nhỏ. Sóng C gồm 5 sóng nhỏ. Gọi là 3-3-5.



PHÂN TÍCH SÓNG

Phân tích sóng điều chỉnh

* *Sóng điều chỉnh dạng phức tạp*: Dạng bất thường (Irregular): Sóng A gồm 3 sóng nhỏ. Sóng B gồm 3 sóng nhỏ. Sóng C gồm 5 sóng nhỏ. Gọi là 3-3-5.



PHÂN TÍCH SÓNG

Phân tích sóng điều chỉnh

* *Sóng điều chỉnh dạng phức tạp: Dạng bất thường (Irregular):*

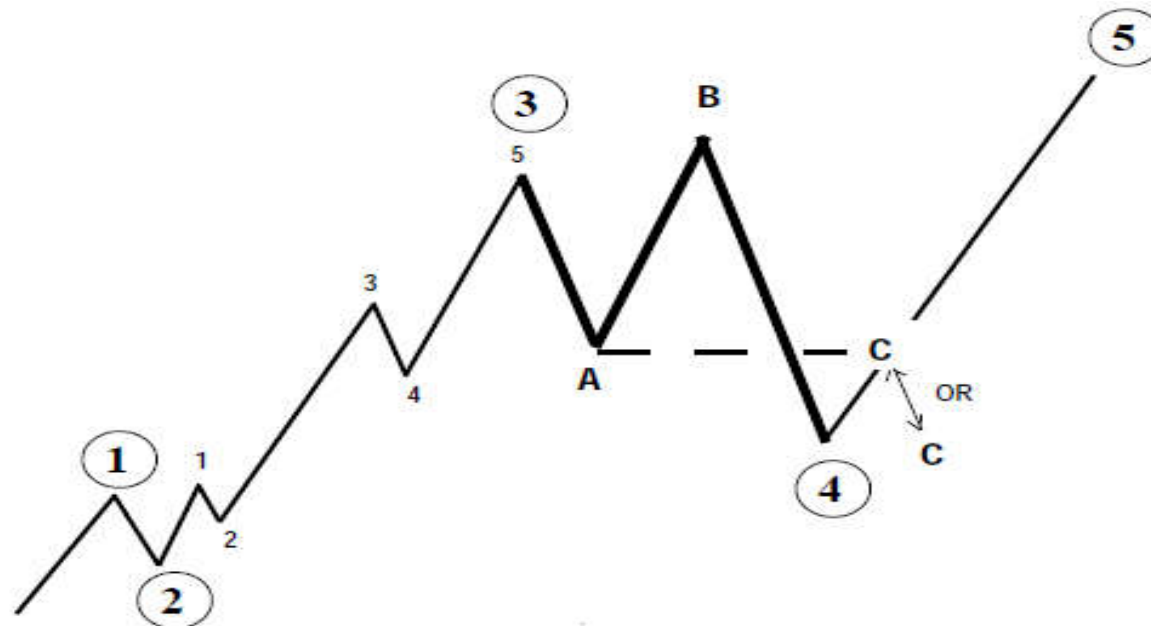


PHÂN TÍCH SÓNG

Sóng trên TTCK

Sóng 2 đơn giản thì sóng 4 phức tạp. Ngược lại, sóng 2 phức tạp thì sóng 4 đơn giản.

Đối với TTCK sóng 4 thường là sóng phức tạp.

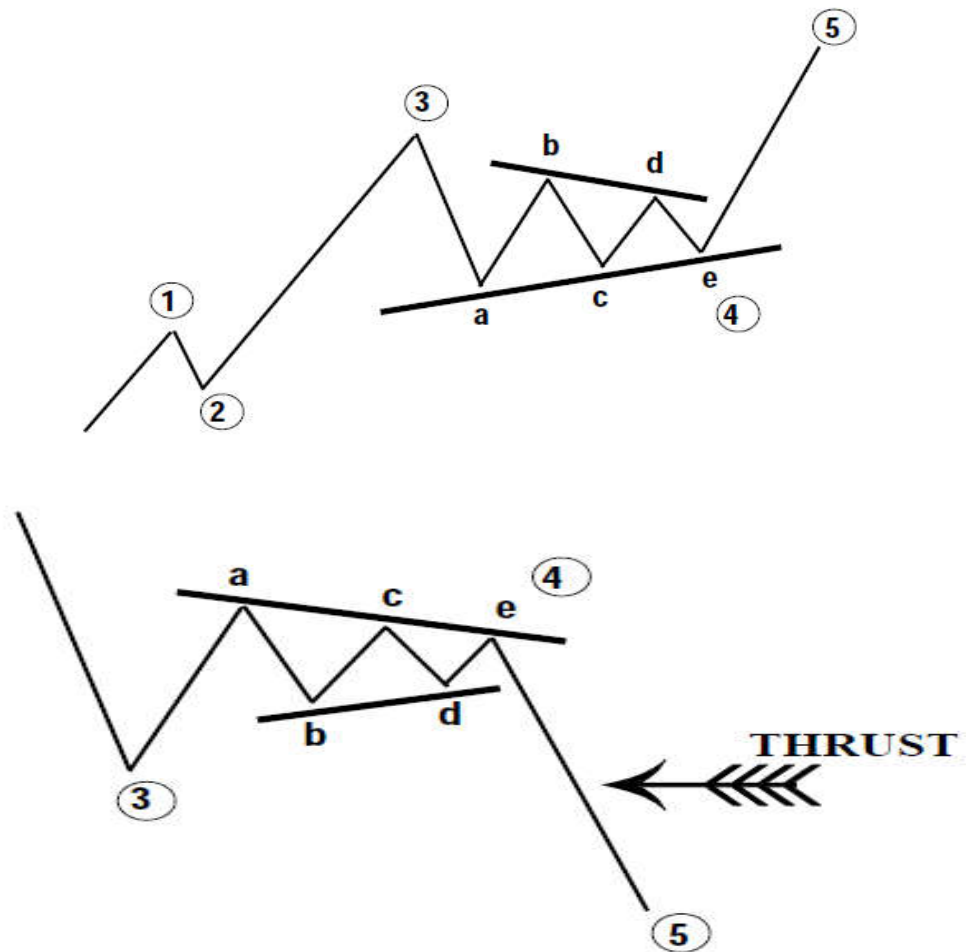


PHÂN TÍCH SÓNG

Sóng trên TTCK

Ngoài ra, sóng điều chỉnh trong sóng 4 lớn còn có dạng tam giác.

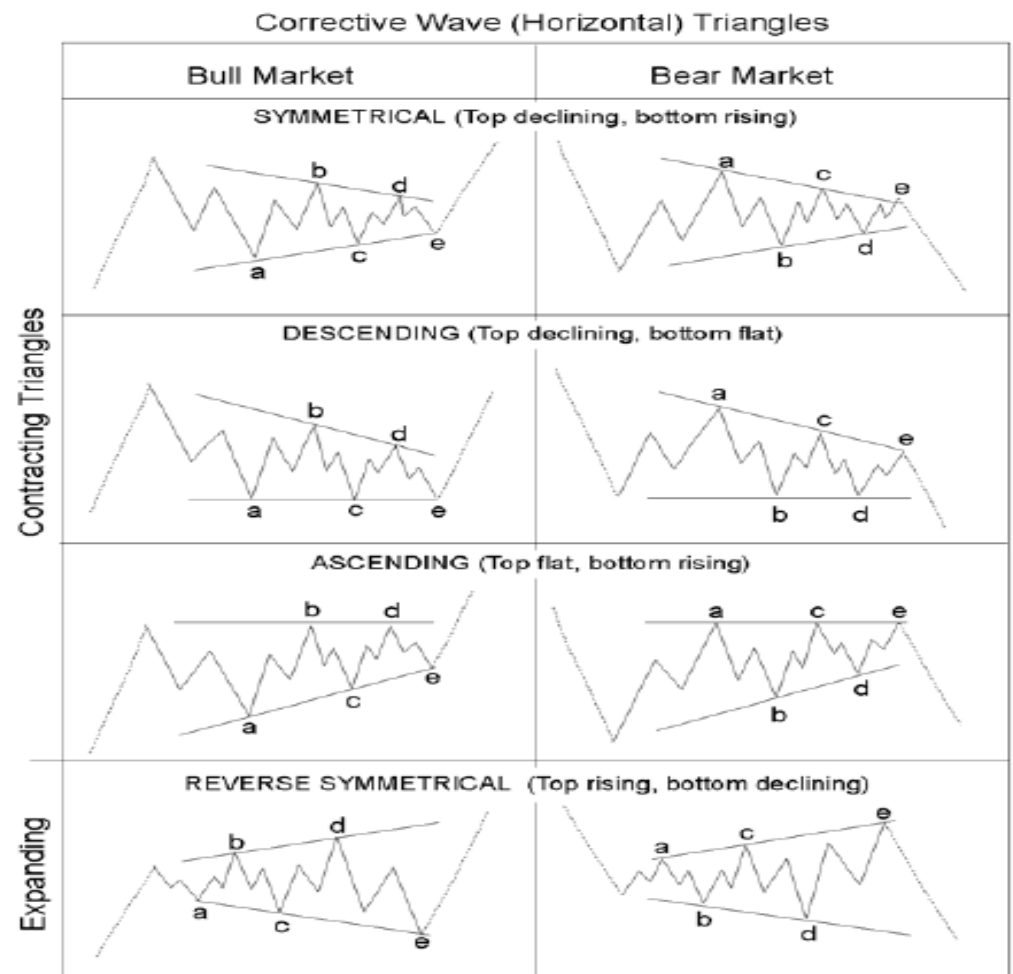
Sóng hiệu chỉnh tam giác khá đa dạng



PHÂN TÍCH SÓNG

Sóng trên TTCK

Sóng điều chỉnh dạng tam giác thường xuất hiện ở sóng 4 của 5 sóng đẩy; hoặc sóng B của sóng hiệu chỉnh A-B-C hoặc sóng Y cuối cùng trong dạng sóng kết hợp Double Zigzag hoặc Triple Zigzag.



PHÂN TÍCH SÓNG

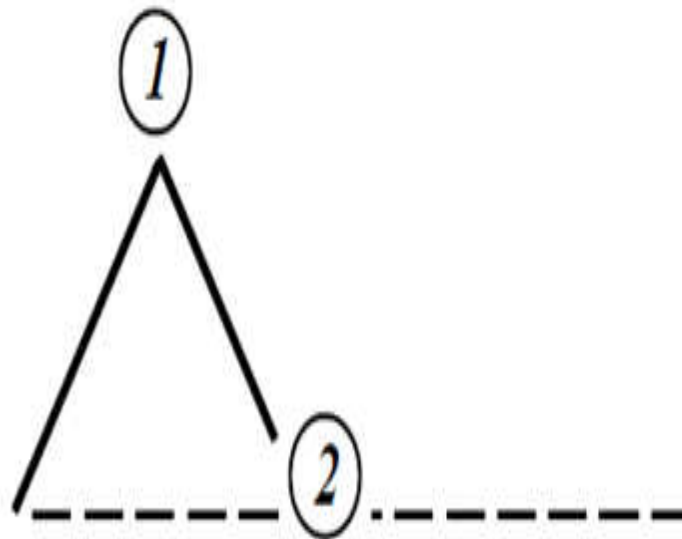
Sóng trên TTCK

VD: Sóng điều chỉnh
dạng tam giác



QUY TẮC ĐẾM SÓNG

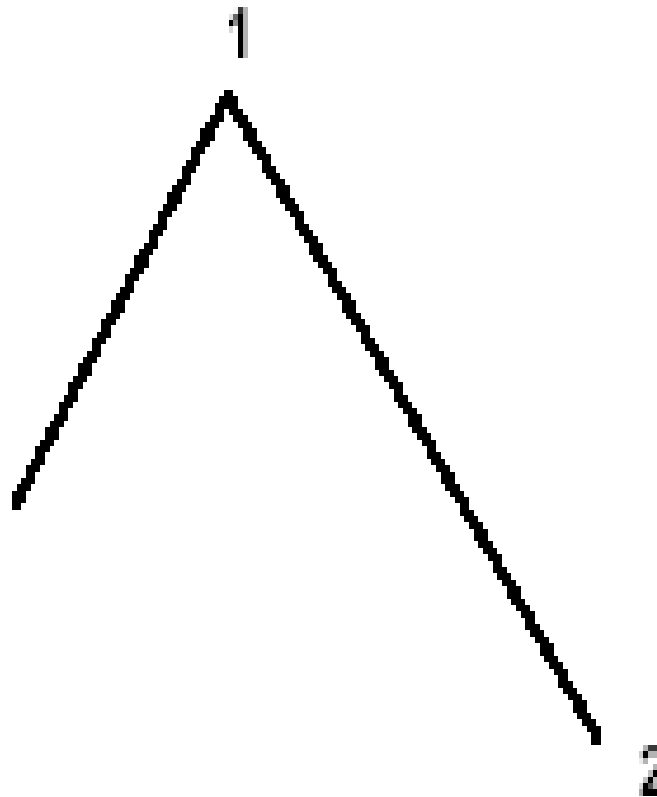
Quy tắc 1: “Sóng 2 không được tạo lập đáy vượt quá sóng 1”



Đáy Sóng 2 không được
vượt đáy sóng 1

QUY TẮC ĐẾM SÓNG

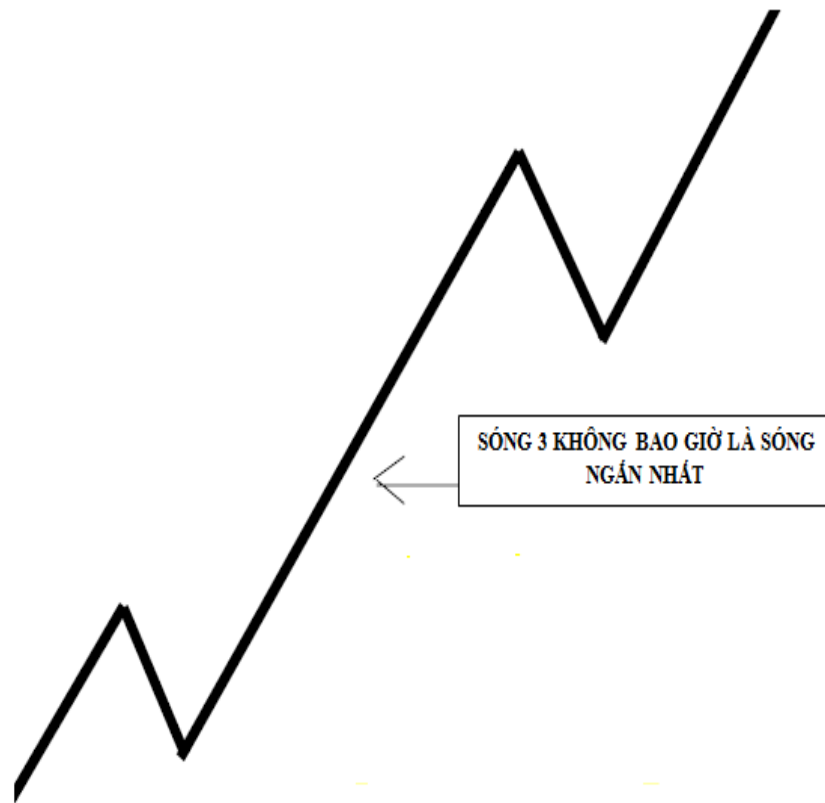
Minh họa sự
vi phạm của
Quy tắc 1.
Sóng 2 dài
hơn sóng 1.



QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Quy tắc 2- “Sóng 3 không bao giờ là sóng ngắn nhất”

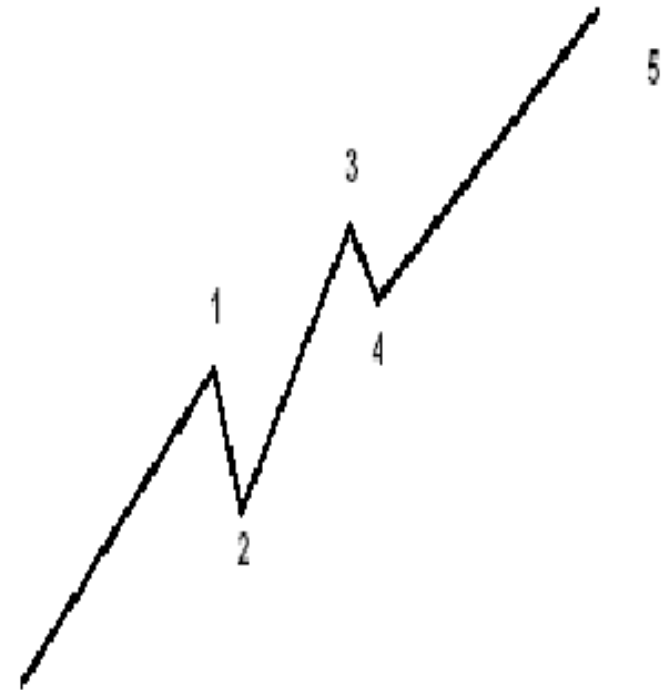
1. Đối với thị trường chứng khoán, sóng 3 thông thường là sóng dài nhất.
2. Đối với thị trường hàng hóa, sóng 5 thường là sóng dài nhất.



QUY TẮC ĐẾM SÓNG

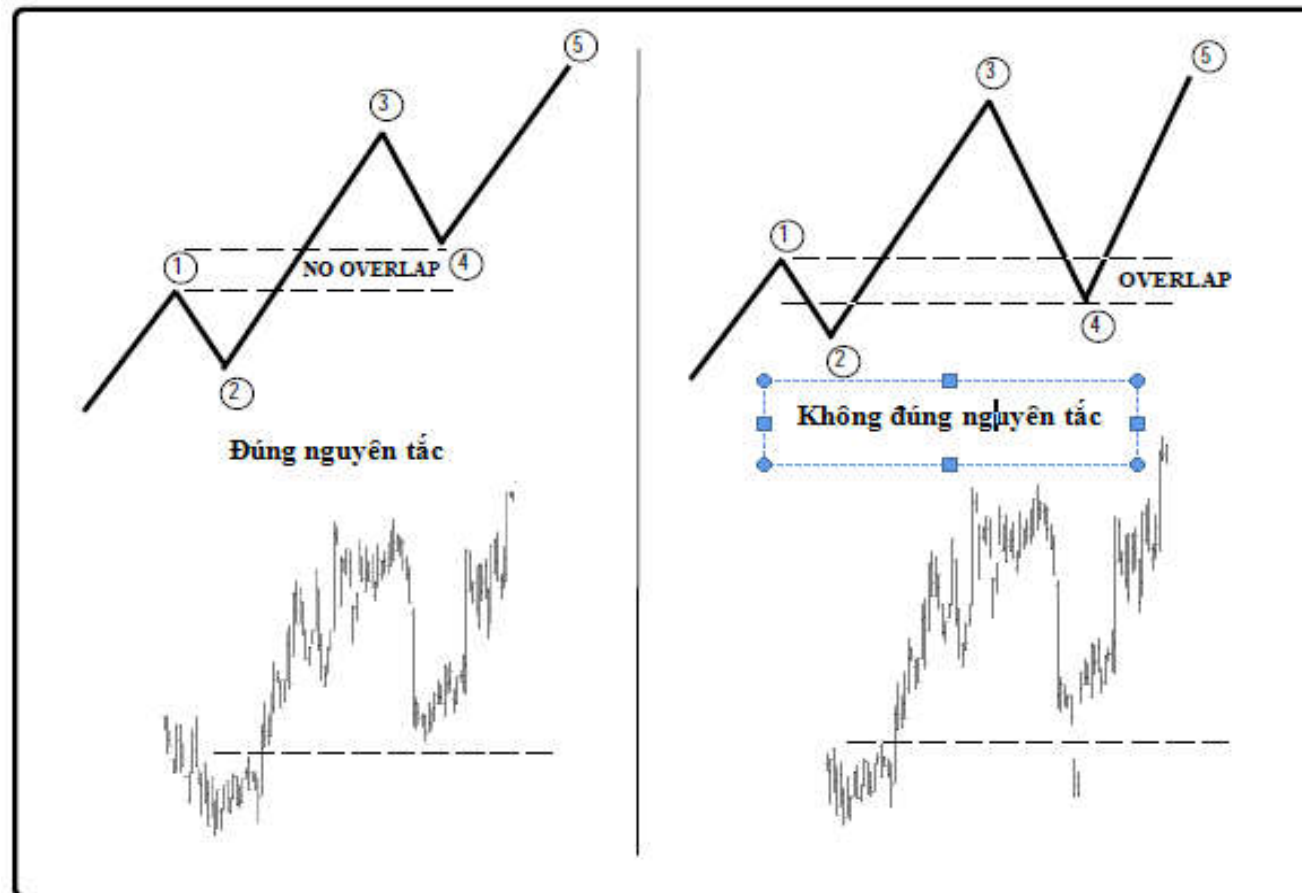
Quy tắc 2- “Sóng 3 không bao giờ là sóng ngắn nhất”

Minh họa sự
vi phạm quy
tắc 2- Sóng 3
là sóng ngắn
nhất.



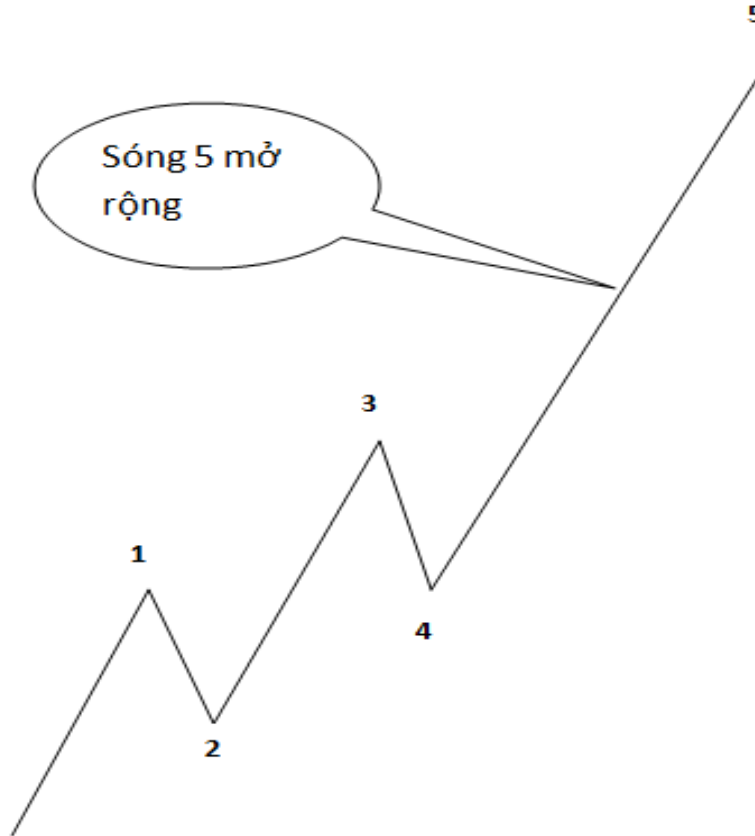
QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Quy tắc 3: Sóng 4 không nên đè (overlap) vào sóng 1



QUY TẮC ĐẾM SÓNG

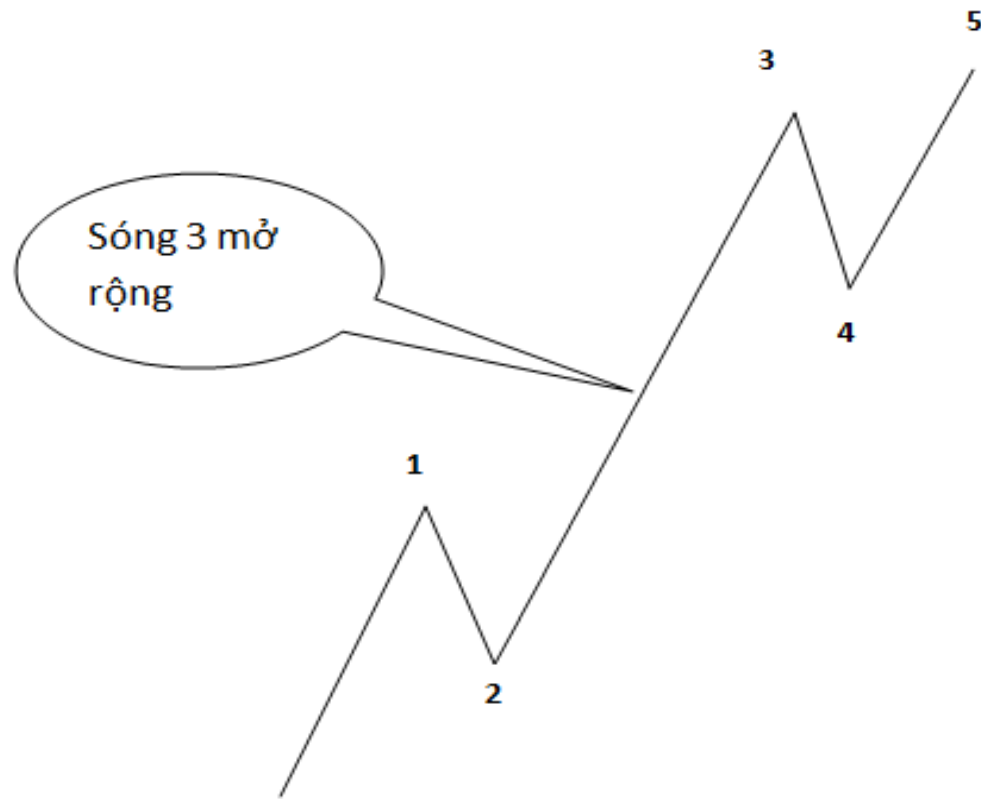
Tùy theo độ dài sóng, có nhiều dạng sóng khác nhau nhưng không được vi phạm 3 nguyên tắc đếm sóng



QUY TẮC ĐẾM SÓNG

- Tùy theo độ dài sóng, có nhiều dạng sóng khác nhau nhưng không được vi phạm 3 nguyên tắc đếm sóng.

- Sự mở rộng ở sóng 3 là phổ biến nhất so với sóng 1 và sóng 5.



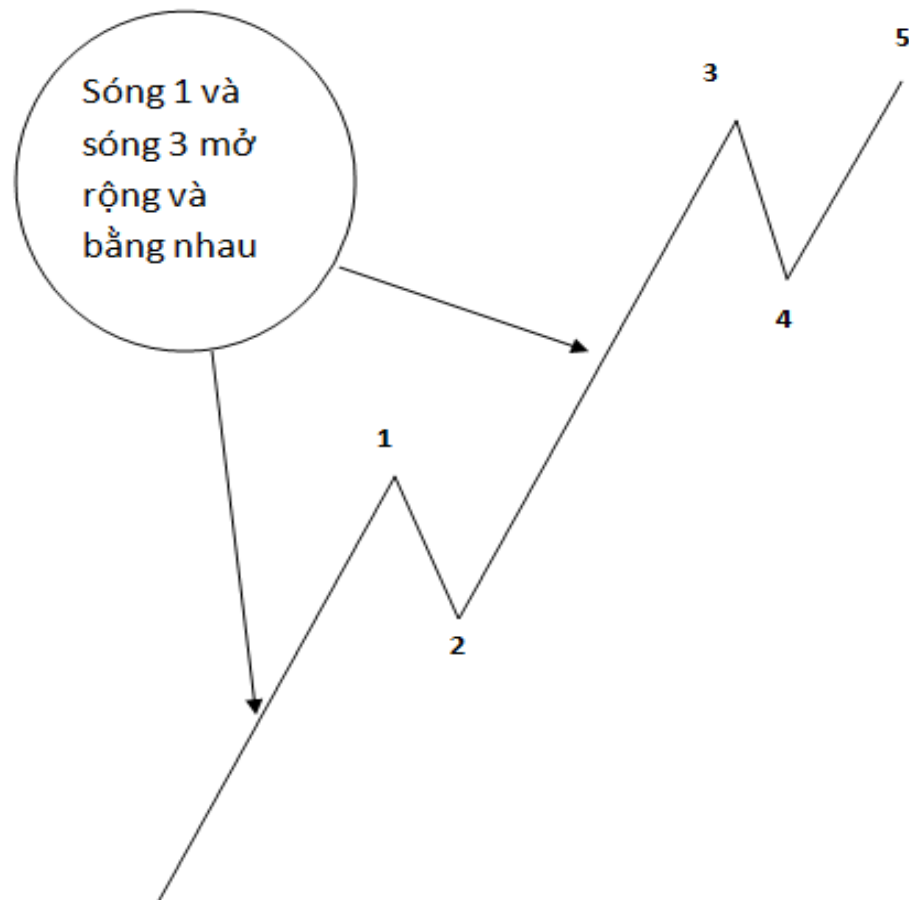
QUY TẮC ĐẾM SÓNG

- VD sóng 3 mở rộng



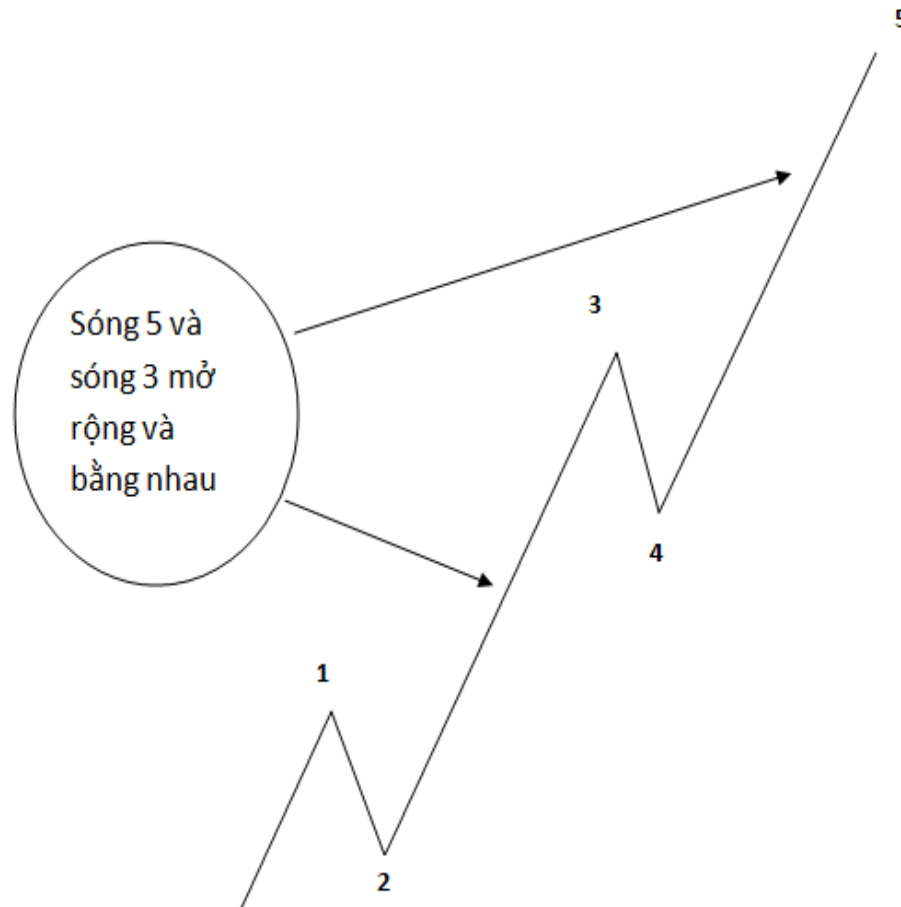
QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Tùy theo độ dài sóng, có nhiều dạng sóng khác nhau nhưng không được vi phạm 3 nguyên tắc đếm sóng



QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Tùy theo độ dài sóng, có nhiều dạng sóng khác nhau nhưng không được vi phạm 3 nguyên tắc đếm sóng



QUY TẮC ĐẾM SÓNG

VD sóng 3
và 5 mở
rộng và có
độ dài bằng
nhau



QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Sóng mở rộng lồng lên nhau

Sóng 3 mở
rộng trong
sóng 3 mở
rộng

3rd wave extension of
3rd wave extension



(1), (2), (4) and (5) = 4 waves

1, 2, 4, and 5 = 4 waves

i ii iii iv v = 5 waves

Total = 13 waves

QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Sóng mở rộng lồng lên nhau

Sóng mở
rộng lồng
lên nhau

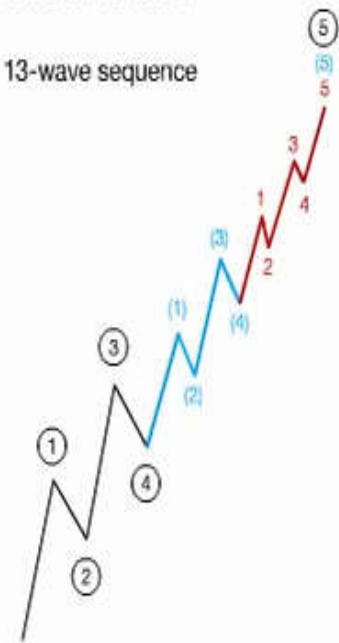
1st wave extension of
1st wave extension

■ 13-wave sequence



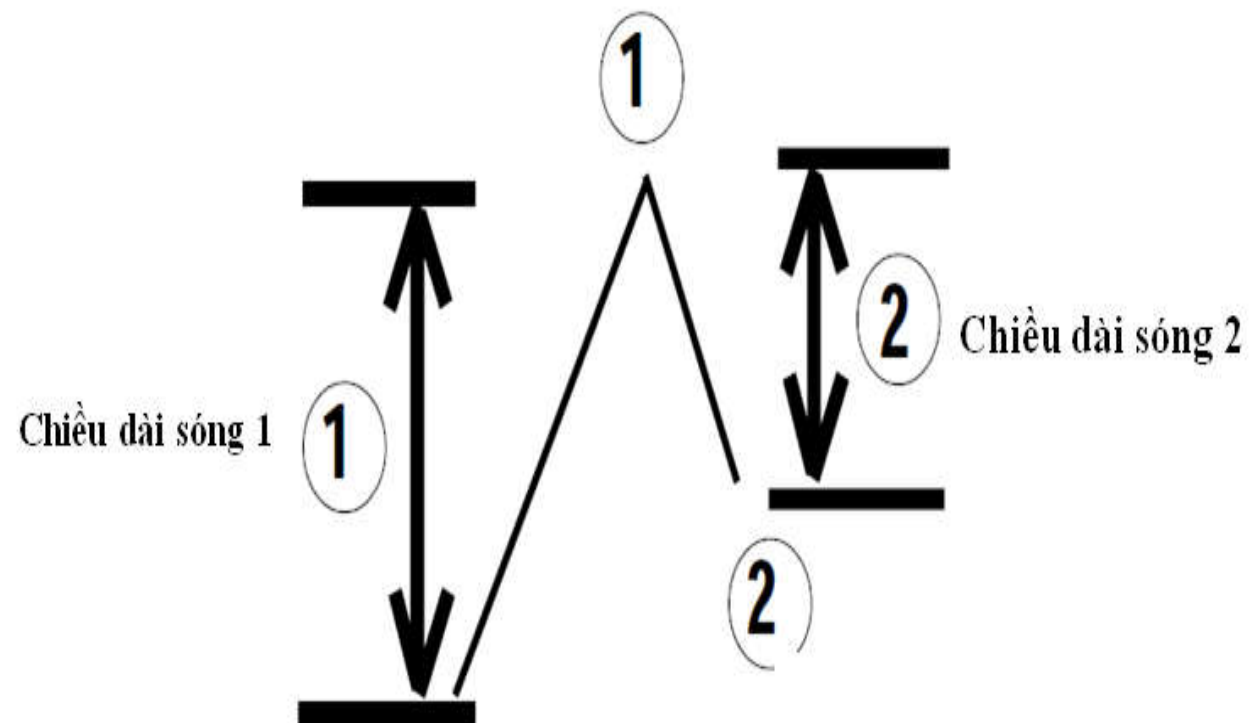
5th wave extension of
5th wave extension

■ 13-wave sequence



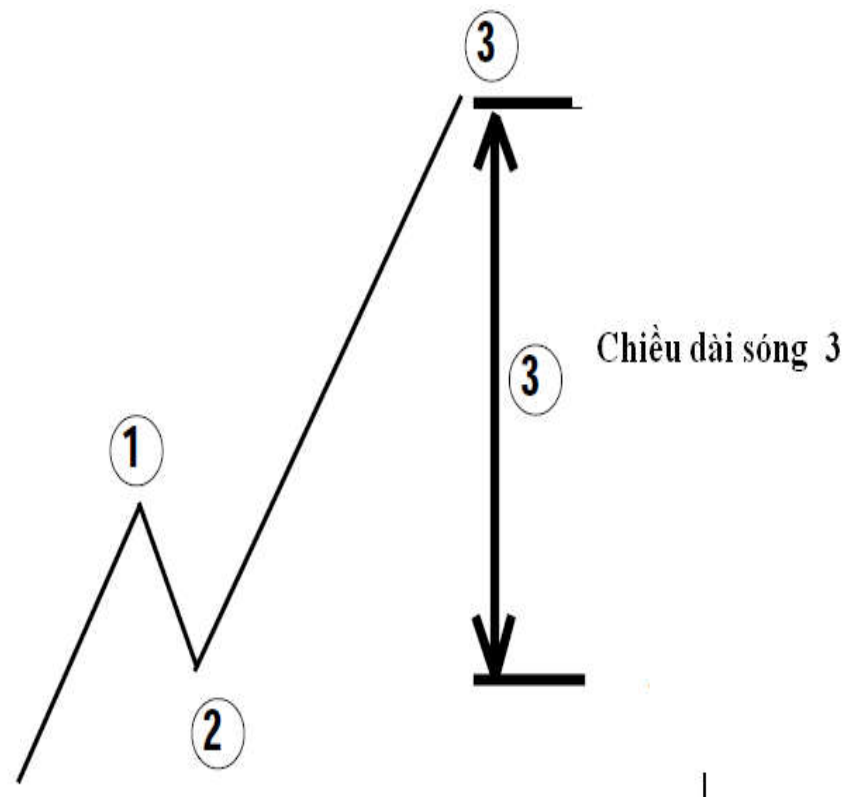
QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Định nghĩa về chiều dài của sóng



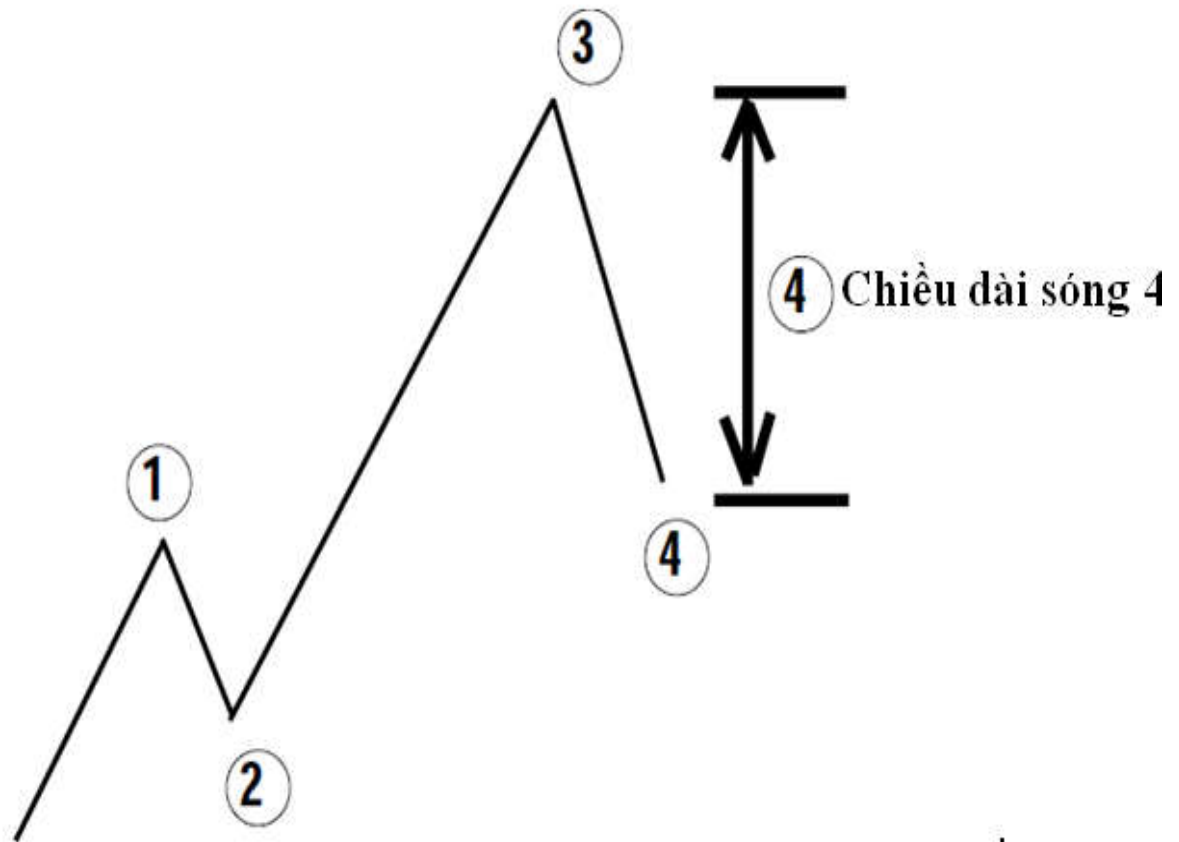
QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Định nghĩa về chiều dài của sóng



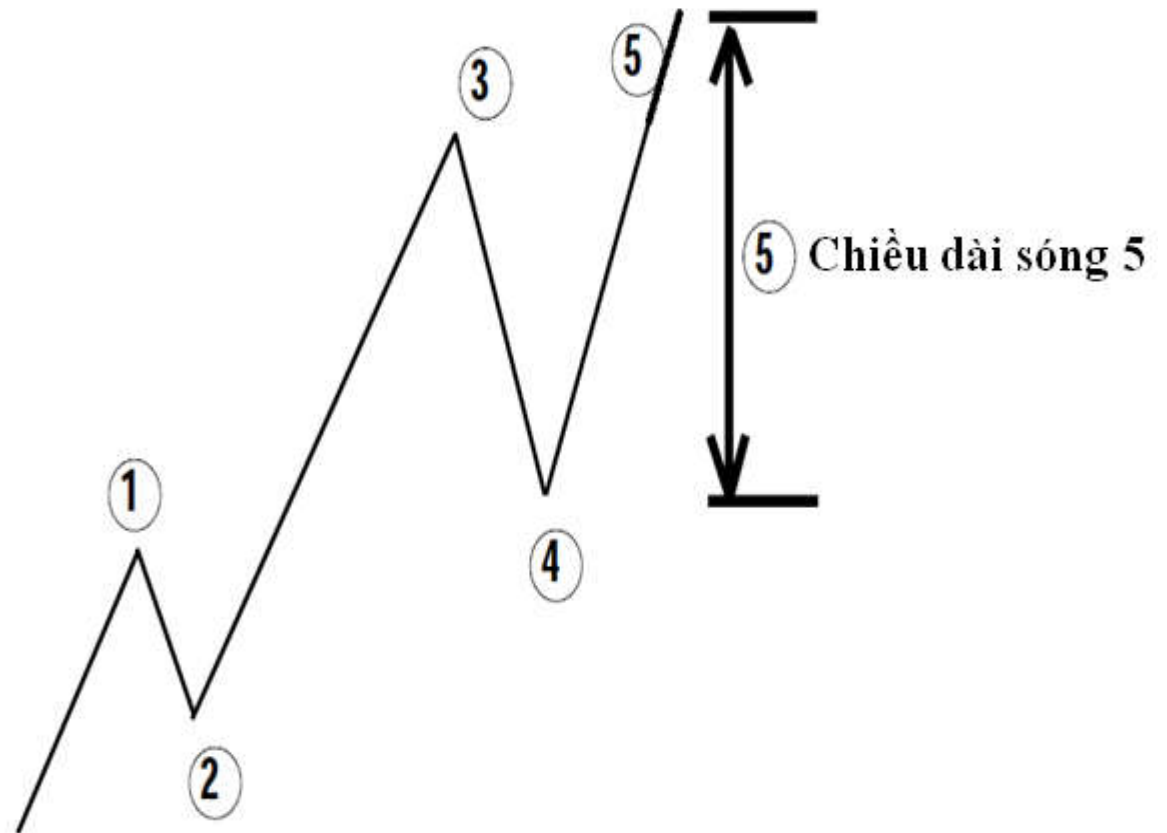
QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Định nghĩa về chiều dài của sóng



QUY TẮC ĐẾM SÓNG

Định nghĩa về chiều dài của sóng

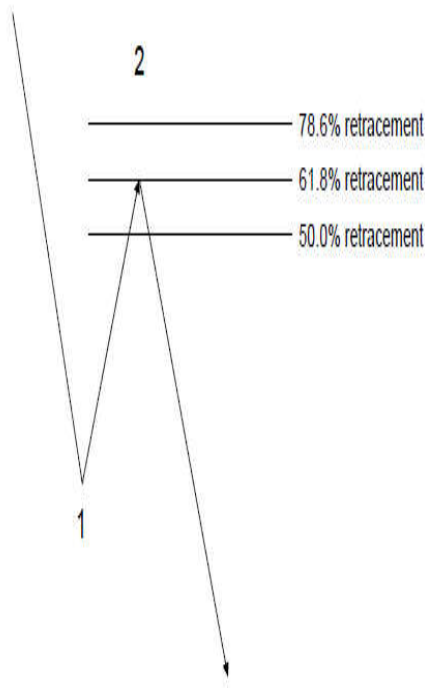


FIBONACI VÀ TỈ LỆ CÁC SỐNG

- ❖ Dãy số Fibonacci bắt đầu từ số 0 và số 1. Các số sau được hình thành bằng tổng của hai số trước.
1,1,2,3,5,8,13,21,34,55.....
- ❖ Tỷ lệ vàng 0.618 được hình thành khi chia các số cho số liền trước.
- ❖ Các tỷ lệ Fibonacci: 23.6%; 38.2%; 423%.
- ❖ Theo Elliot, hành vi của con người tuân theo tỷ lệ vàng hoặc các tỷ lệ Fibonacci

FIBONACI VÀ TỈ LỆ CÁC SÓNG

Tỷ lệ Fibonacci của các sóng (mức giá)



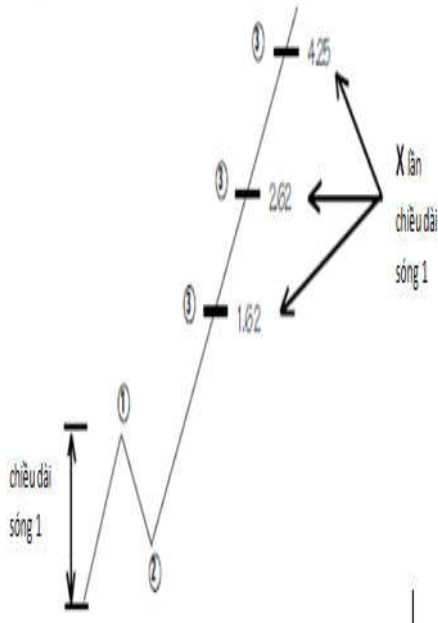
❖ Sóng 2 luôn luôn liên quan đến sóng 1.

Mức thoái lùi so với sóng 1	Xác suất
50%-62%	73%
<38%	12%
>62%	15%

→ Sóng 2 thường thoái lùi 50%-60% so với sóng 1.

FIBONACCI VÀ TỈ LỆ CÁC SÓNG

Tỷ lệ Fibonacci
của các sóng



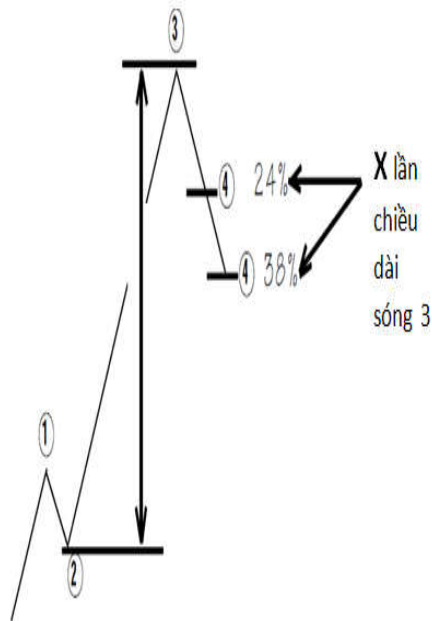
❖ Sóng 3 liên quan đến sóng 1.

Mức tăng so với sóng 1	Xác suất
Sóng 3 = sóng 1	2%
sóng 3 gấp 1-1.6 lần sóng 1	15%
Sóng 3 gấp 1.6-1.75 lần sóng 1	45%
Sóng 3 gấp 1.75-2.62 lần sóng 1	30%
Sóng 3 gấp 2.62-4.25 lần sóng 1	8%

→ Sóng 3 thường gấp 1.62-2.62 lần sóng 1. Không vượt quá 4.25 lần sóng 1.

FIBONACCI VÀ TỈ LỆ CÁC SÓNG

Tỷ lệ Fibonacci
của các sóng
(mức giá)



❖ Sóng 4 liên quan đến sóng 3.

sóng 4 thoái lùi so với sóng 3	Xác suất
Thoái lùi 24%-30% sóng 3	15%
Thoái lùi 30%-50% sóng 3	60%
Thoái lùi 50%-62% sóng 3	15%
Thoái lùi > 62% sóng 3	10%

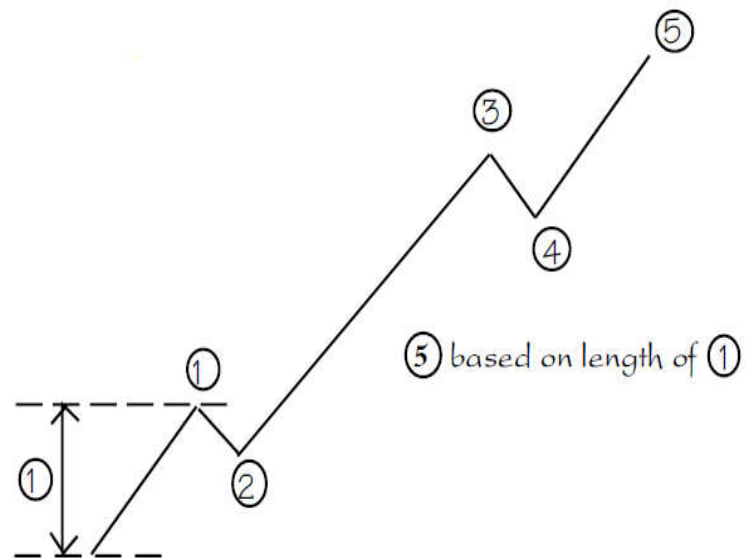
→ Sóng 4 thường thoái lùi 30%-50%
lần sóng 3.

FIBONACCI VÀ TỈ LỆ CÁC SÓNG

Tỷ lệ Fibonacci
của các sóng
(mức giá)

Nếu sóng 3 gấp hoặc nhiều hơn 1.62 lần sóng 1. Chiều dài sóng 5 sẽ bằng: 1 lần hoặc 1.62 lần hoặc 2.62 lần chiều dài sóng 1.

Chú ý: Khả năng đạt mục tiêu giá sóng 5 còn phụ thuộc vào mức độ sụt giảm trong sóng 4.



FIBONACI VÀ TỈ LỆ CÁC SÓNG

Tỷ lệ Fibonacci của các sóng hiệu chỉnh

❖ Dạng zigzag

- Sóng B thông thường bằng 50% chiều dài sóng A và không nên vượt quá 75% chiều dài sóng A.
- Sóng C bằng 1 hoặc 1.62 hoặc 2.62 lần chiều dài sóng A.

❖ Dạng Flat

- Chiều dài sóng A, sóng B và sóng C gần bằng nhau

❖ Dạng Irregular

- Sóng B bằng 1.15 hoặc 2.25 lần chiều dài sóng A.
- Sóng C bằng 1.62 hoặc 2.62 lần chiều dài sóng A.

Thank You !

